TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02/5/2024
V/v "Ly hôn giữa chị N và anh K"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tháo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tường Bích.

2. Ông Lê Văn Đạo.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 565/2023/TLST–HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2024/QĐST–HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Phạm Thị Hồng N**, sinh năm: 1998. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã PT, huyện BĐ, tỉnh BT.

Chị N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 21/3/2024.

* *Bị đơn:* **Lê Văn K,** sinh năm: 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp ấp PT, xã PT, huyện BĐ, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị Hồng N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng N với anh Lê Văn K tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận vào năm 2016. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bạo lực gia đình và đã ly thân từ tháng 02 năm 2021

cho đến nay, không thể hàn gắn. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn K.

Về nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh K trực tiếp nuôi con chung Lê Gia H, sinh ngày 19/12/2019 và chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2024, bị đơn Lê Văn K trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị Hồng N cưới nhau năm 2016 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Phú Thuận vào năm 2016. Quá trình sinh sống có hạnh phúc nhưng vợ chồng lâu lâu có cãi nhau xuất phát từ mâu thuẫn trong cuộc sống. Chị N đã về nhà mẹ ruột sống cách nay khoản 02 đến 03 tháng nên vợ chồng không còn sống chung, anh có liên lạc nói chuyện qua lại. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị Phan Thị Hồng N do vợ chồng không có cự cãi, anh vẫn còn thương vợ thương con.

Về nuôi con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Lê Gia H, sinh ngày 19/02/2019. Cháu H đang sống với anh. Anh yêu cầu trực tiếp nuôi cháu H và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng Ngọ thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn Lê Văn K không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Hồng N đối với anh Lê Văn K.

Về nuôi con chung: Anh Lê Văn K được nuôi con chung là là Lê Gia H, sinh ngày 19/02/2019. Ghi nhận sự tự nguyện của anh K nuôi con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị Hồng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Lê Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

[1] Anh K và chị N cưới nhau vào năm 2016, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thuận vào năm 2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Hiện tại, ai cũng có cuộc sống riêng, không quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị N trong quá trình giải quyết vụ án xác định cuộc sống vợ, chồng giữa anh K và chị N đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau trong cuộc sống và đã ly thân từ tháng 02 năm 2021 cho đến nay. Toà án đã triệu tập chị N và anh K để hoà giải, nhằm tạo điều kiện cho hai bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K vắng mặt không lý do, đồng thời chị N cũng có yêu cầu xét xử vắng mặt cho thấy hai bên đã không còn quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa anh K và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nuôi con chung: Anh K và chị N có 01 con chung là Lê Gia H, sinh ngày 19/02/2019.

Cháu **L**ê Gia H đã sống chung với anh K từ nhỏ, anh K chăm sóc cháu Hân phát triển bình thường. Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu **L**ê Gia H để anh K trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K nuôi con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Hồng N đối với anh Lê Văn K.

Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Hồng N với anh Lê Văn K.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Hồng N với anh Lê Văn K chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Anh K và chị N có 01 con chung là Lê Gia H, sinh ngày 19/02/2019.

Anh Lê Văn K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Gia H.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Hồng N *phải* chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000642 ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, chị Phạm Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Phú Thuận
(Số 15 ngày 20/4/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tháo